



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2022

Số: 05./2022/TT-Đ.HĐCĐ

## TỜ TRÌNH

### Về việc Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông  
Tổng công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 14 Điều lệ Tổng công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (PV Drilling) quy định quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm.

Hội đồng quản trị PV Drilling kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán như Phụ lục đính kèm.

Trân trọng./. *ngb*

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Tổ TK HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Mai Thế Toàn



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam  
với mã số doanh nghiệp là 0302495126)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI  
SANG ĐỒNG VIỆT NAM ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**



[illegible]





<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM	9 - 50

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam của Công ty mẹ và các công ty con (gọi chung là "Tổng Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Mai Thế Toàn	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2021)
Ông Phạm Tiến Dũng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2021)
Ông Đỗ Đức Chiến	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Cường	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Toàn	Thành viên
Ông Văn Đức Tòng	Thành viên
Ông Hoàng Xuân Quốc	Thành viên
Ông Vũ Thụy Tường	Thành viên (bổ nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2021)
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên (miễn nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2021)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Xuân Cường	Tổng Giám đốc
Ông Đào Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Văn Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 22 tháng 12 năm 2021)
Ông Hồ Vũ Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Danh Rạng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Đoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Sơn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16 tháng 2 năm 2022)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ  
Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Xuân Cường  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Số: 0553 /VN1A-HC-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (gọi chung là "Tổng Công ty"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2022, từ trang 5 đến trang 50, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Vấn đề khác

Tổng Công ty đã lập một bộ báo cáo tài chính hợp nhất bằng đồng tiền kế toán là Đô la Mỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chúng tôi đã phát hành báo cáo kiểm toán độc lập đề ngày 29 tháng 3 năm 2022 về báo cáo tài chính hợp nhất đó với ý kiến chấp nhận toàn phần.



Bùi Văn Thịnh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1808-2018-001-1

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Tôn Thất Tiến

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 4326-2018-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021*

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>5.428.797.240.960</b>	<b>5.107.391.677.605</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.130.703.090.240	925.196.651.735
1. Tiền	111		768.120.048.960	885.136.644.480
2. Các khoản tương đương tiền	112		362.583.041.280	40.060.007.255
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.544.250.741.200	1.195.960.822.115
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	1.544.250.741.200	1.195.960.822.115
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.935.799.443.760	1.949.493.904.595
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.311.560.013.440	861.176.144.250
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		67.452.597.200	414.092.823.800
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	644.155.136.480	768.235.447.650
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(87.368.303.360)	(94.010.511.105)
IV. Hàng tồn kho	140	8	757.836.145.920	958.938.457.945
1. Hàng tồn kho	141		883.229.212.240	1.095.186.221.470
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(125.393.066.320)	(136.247.763.525)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		60.207.819.840	77.801.841.215
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		50.138.589.280	7.040.739.890
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.440.825.920	67.201.779.195
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	1.628.404.640	3.559.322.130
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>15.332.405.243.200</b>	<b>15.748.798.528.055</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		50.362.046.080	14.494.405.190
1. Phải thu dài hạn khác	216		50.362.046.080	14.494.405.190
II. Tài sản cố định	220		12.961.890.042.800	13.496.287.352.850
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	12.784.902.046.560	13.321.630.546.590
- Nguyên giá	222		23.187.118.919.200	23.360.545.984.345
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.402.216.872.640)	(10.038.915.437.755)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	176.987.996.240	174.656.806.260
- Nguyên giá	228		311.128.502.000	298.541.501.005
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(134.140.505.760)	(123.884.694.745)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		920.902.330.720	216.844.602.535
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	920.902.330.720	216.844.602.535
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		601.847.655.280	1.788.950.711.940
1. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	12	601.847.655.280	698.717.775.625
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5	-	1.090.232.936.315
V. Tài sản dài hạn khác	260		797.403.168.320	232.221.455.540
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	633.264.730.480	84.137.525.825
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	164.138.437.840	148.083.929.715
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>20.761.202.484.160</b>	<b>20.856.190.205.660</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>6.929.622.017.040</b>	<b>6.814.172.858.945</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.030.445.254.960</b>	<b>2.798.539.771.775</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	779.809.714.880	696.166.257.780
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		15.608.219.760	22.505.678.735
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	88.263.285.200	48.300.732.435
4. Phải trả người lao động	314		130.127.928.000	127.581.466.720
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	497.363.489.280	283.662.572.560
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	369.553.580.320	333.345.957.835
7. Vay ngắn hạn	320	19	748.408.238.640	634.897.534.430
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	20	297.839.455.920	529.125.029.835
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		103.471.342.960	122.954.541.445
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.899.176.762.080</b>	<b>4.015.633.087.170</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	25	474.294.076.400	476.436.936.125
2. Vay dài hạn	338	21	3.205.703.464.640	3.230.533.923.335
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	127.557.472.960	154.424.129.185
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	23	91.621.748.080	154.238.098.525
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>13.831.580.467.120</b>	<b>14.042.017.346.715</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>13.831.580.467.120</b>	<b>14.042.017.346.715</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.215.457.890.000	4.215.457.890.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.215.457.890.000	4.215.457.890.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.434.086.374.663	2.434.086.374.663
3. Cổ phiếu quỹ	415		(20.948.559.850)	(20.948.559.850)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		1.450.764.484.622	1.638.002.496.237
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.589.768.966.060	3.589.677.032.350
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.922.901.754.595	1.937.943.722.530
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.937.943.722.530	1.837.222.903.339
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(15.041.967.935)	100.720.819.191
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	25	239.549.557.030	247.798.390.785
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>20.761.202.484.160</b>	<b>20.856.190.205.660</b>



Nguyễn Xuân Cường  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Ngọc Trường  
Kế toán trưởng

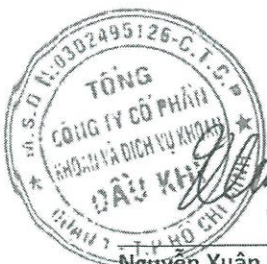
Trần Kim Hoàng  
Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Thuyết minh	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.995.471.964.670	5.228.638.834.323
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	28	3.995.471.964.670	5.228.638.834.323
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	3.624.231.518.305	4.899.843.841.029
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		371.240.446.365	328.794.993.294
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	163.817.011.240	157.249.532.793
6. Chi phí tài chính	22	32	170.854.507.055	201.037.635.156
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		109.283.560.320	118.896.544.398
7. Phần lãi trong công ty liên doanh	24	12	103.585.930.965	216.407.722.962
8. Chi phí bán hàng	25		12.925.934.430	16.370.720.328
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	385.609.141.765	311.282.604.552
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		69.253.805.320	173.761.289.013
11. Thu nhập khác	31	34	51.561.635.515	79.717.991.343
12. Chi phí khác	32	35	58.316.160.010	49.836.555.774
13. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(6.754.524.495)	29.881.435.569
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		62.499.280.825	203.642.724.582
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	36	43.888.070.775	43.080.862.464
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	14	(18.158.757.360)	(23.262.286.857)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		36.769.967.410	183.824.148.975
Phân bổ cho:				
- Cổ đông của Công ty mẹ	61		19.553.861.685	186.494.200.107
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát và các bên trong hợp đồng hợp tác kinh doanh	62	25	17.216.105.725	(2.670.051.132)
18. (Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	(36)	282



Nguyễn Xuân Cường  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Ngọc Trường  
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	62.499.280.825	203.642.724.582
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	534.408.144.380	488.324.043.000
Các khoản dự phòng	03	16.008.294.070	46.517.903.590
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục liên hệ có gốc ngoại tệ	04	(28.488.169.610)	(9.141.612.219)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(226.232.807.305)	(325.276.157.049)
Chi phí lãi vay	06	109.283.560.320	118.896.544.398
Các khoản điều chỉnh khác	07	(45.806.629.114)	(13.378.742.209)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	421.671.673.566	509.584.704.093
Thay đổi các khoản phải thu	09	(289.168.031.115)	399.946.952.580
Thay đổi hàng tồn kho	10	194.840.802.085	(147.449.482.983)
Thay đổi các khoản phải trả	11	271.446.221.480	(371.937.923.589)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(796.489.572.515)	(41.850.803.532)
Tiền lãi vay đã trả	14	(78.251.640.215)	(105.347.213.289)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(47.125.091.870)	(37.965.023.937)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(53.326.872.355)	(40.778.703.873)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(376.402.510.939)	164.202.505.470
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(608.266.399.100)	(578.666.769.075)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	17.171.920	353.631.525
3. Tiền chi mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(557.756.520.548)	(2.043.133.137.326)
4. Tiền thu hồi bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.299.307.601.463	1.213.619.128.859
5. Tiền thu lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	323.723.460.225	152.354.346.447
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	457.025.313.960	(1.255.472.799.570)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	346.154.280.725	260.240.437.302
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(192.159.813.240)	(130.686.376.356)
3. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.792.342.000)	(2.792.342.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	151.202.125.485	126.761.718.946
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	231.824.928.506	(964.508.575.154)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	925.196.651.735	1.890.029.157.920
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	4.312.047.225	(1.834.647.297)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	62	(30.630.537.226)	1.510.716.266
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61+62)	70	1.130.703.090.240	925.196.651.735



Nguyễn Xuân Cường  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Ngọc Trường  
 Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng  
 Người lập biểu